

MƯỜI SỰ KIỆN KINH TẾ VIỆT NAM NỔI BẬT NĂM 2013

Nguyễn Kế Tuấn*

Kỳ họp thứ 4 Quốc hội khóa XIII (11/2012) đã thông qua Nghị quyết về Kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2013 với mục tiêu tổng quát là: “Tăng cường ổn định kinh tế vĩ mô; lạm phát thấp hơn, tăng trưởng cao hơn năm 2012. Đẩy mạnh thực hiện 3 đột phá chiến lược gắn với tái cơ cấu nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng. Bảo đảm an sinh xã hội và phúc lợi xã hội...”. Trong bối cảnh tiếp tục phải đương đầu với muôn vàn khó khăn ở trong nước và ngoài nước, những mục tiêu của Kế hoạch phát triển kinh tế năm 2013 đã đạt được với những mức độ khác nhau. Việc đánh giá khách quan thực trạng, khẳng định những kết quả và xu hướng tích cực, nhận diện rõ những khó khăn thách thức là cơ sở để đề ra mục tiêu và các giải pháp đưa đất nước phát triển theo hướng có hiệu quả và bền vững trong những năm tiếp theo.

Trên cơ sở theo dõi diễn biến kinh tế trong năm, chúng tôi lựa chọn 10 sự kiện kinh tế Việt Nam được coi là nổi bật của năm 2013. Do chưa có số liệu báo cáo thống kê chính thức của cả năm, một số sự kiện được minh họa bằng số liệu dự báo kết quả năm 2013. Điều này không làm ảnh hưởng đến tính chất của mỗi sự kiện được lựa chọn.

Từ khóa: Hiến pháp; tăng trưởng; lạm phát; bội chi; bất động sản; tham nhũng; tái cơ cấu kinh tế; thiên tai và nhân tai.

1. Quốc hội thông qua việc sửa đổi Hiến pháp năm 1992

Hiến pháp năm 1992 là Hiến pháp của thời kỳ đầu đổi mới đất nước. Với bối cảnh và yêu cầu phát triển mới, việc sửa đổi Hiến pháp năm 1992 được đánh giá là cần thiết.

Sau khi chủ trương sửa đổi Hiến pháp được Đại hội Đảng lần thứ XI chính thức khẳng định (1/2011), kỳ họp thứ 1 Quốc hội khóa XIII (8/2011) đã thông qua Nghị quyết về những định hướng lớn cho sửa đổi, bổ sung Hiến pháp và thành lập Ủy ban Dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992. Từ đó đến tháng 10/2012, các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức, đoàn thể trong cả nước đã tiến hành tổng kết việc thi hành Hiến pháp năm 1992, đồng thời Ủy ban Dự thảo đã chuẩn bị Dự thảo Hiến pháp sửa đổi. Tại kỳ họp thứ 4 (10 – 11/2012), Quốc hội đã thảo luận bản Dự thảo sửa đổi Hiến pháp đầu tiên. Trên

cơ sở đó, từ tháng 1/2013, Ủy ban Dự thảo đã công bố bản Dự thảo lấy ý kiến rộng rãi các tầng lớp nhân dân dưới nhiều hình thức khác nhau. Theo Ủy ban Dự thảo sửa đổi Hiến pháp, đã có 26 triệu lượt ý kiến đóng góp, trong đó có những ý kiến trái ngược nhau. Về kinh tế và quản lý, đó là các vấn đề liên quan đến kiểm soát quyền lực nhà nước, về mô hình tổ chức chính quyền địa phương, về vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước, về Nhà nước thu hồi và trưng thu đất... Theo Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Sinh Hùng, Ủy ban Dự thảo sửa đổi Hiến pháp “đã tập hợp, tổng hợp đầy đủ, khách quan, trung thực ý kiến của nhân dân; nghiêm túc nghiên cứu, tiếp thu, giải trình cụ thể các ý kiến này” để chính lý Dự thảo sửa đổi Hiến pháp trình Quốc hội. Tại kỳ họp thứ 5 (5 – 6/2013), Quốc hội đã thảo luận các nội dung của Dự thảo Hiến pháp. Quốc hội đã quyết định tiếp tục tiếp nhận ý kiến góp ý của nhân dân đến cuối tháng

9/2013 để hoàn thiện Dự thảo sửa đổi Hiến pháp trình Quốc hội xem xét, thông qua tại kỳ họp thứ 6.

Kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa XIII họp từ ngày 21/10 đến 29/11/2013 có nhiệm vụ quan trọng là thông qua Hiến pháp năm 1992 sửa đổi và Luật Đất đai sửa đổi. Kỳ họp này được các phương tiện thông tin đại chúng đánh giá là “kỳ họp dài nhất, khó nhất”.

Sau phiên thảo luận tại tổ (ngày 23/10), trong phiên họp toàn thể ngày 5/11 Quốc hội đã nghe và thảo luận Bản giải trình, tiếp thu của Ủy ban Dự thảo sửa đổi Hiến pháp, trong đó giải thích rõ các vấn đề được tiếp thu chỉnh sửa, các vấn đề đề nghị được giữ như Dự thảo. “*Các vị đại biểu Quốc hội đều cơ bản tán thành với Dự thảo và cho rằng Dự thảo được chuẩn bị công phu, nghiêm túc, có chất lượng, phản ánh được ý chí, nguyện vọng của đông đảo các tầng lớp nhân dân*” (Kim Thanh, 2013). Bên cạnh đó, các đại biểu cũng nêu nhiều ý kiến để hoàn thiện một số nội dung cụ thể của Dự thảo, đặc biệt là các vấn đề về quản lý đất đai, chính quyền địa phương, nhiệm vụ và quyền hạn của Ủy ban Thường vụ Quốc hội... Ngày 18/11, các đại biểu Quốc hội góp ý trực tiếp vào Dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992 và ghi phiếu xin ý kiến về một số vấn đề quan trọng còn ý kiến khác nhau.

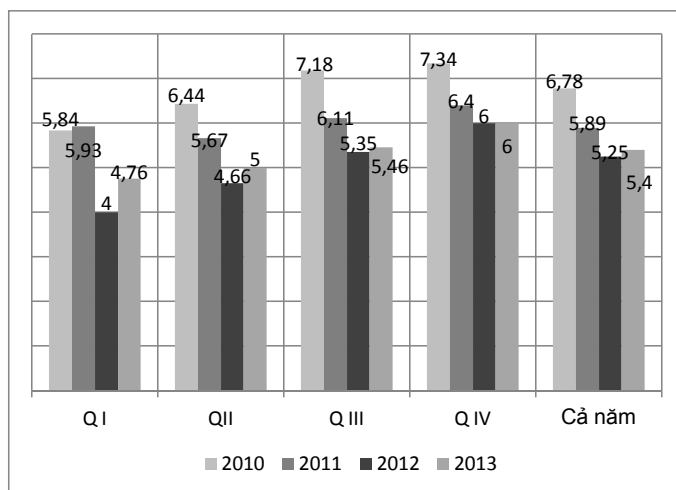
Trong phiên họp toàn thể ngày 28/11/2013, Quốc hội đã biểu quyết thông qua Hiến pháp sửa đổi với 97,59% đại biểu tán thành. Như vậy, kết thúc kỳ họp dài nhất, các đại biểu Quốc hội đã hoàn thành nhiệm vụ “khó nhất” của Quốc hội khóa XIII.

Nhấn mạnh tầm quan trọng của nhiệm vụ này, Luật sư Trương Trọng Nghĩa, đại biểu Quốc hội Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu: “Không ít ý kiến cử tri cho rằng Hiến pháp sửa đổi là giải pháp cho mọi giải pháp. Trên tinh thần đó, các tầng lớp nhân dân đã phát huy tinh thần trách nhiệm, ý thức dân chủ, tầm trí tuệ và văn hóa để đóng góp xây dựng Hiến pháp sửa đổi. Nếu việc sửa đổi Hiến pháp lần này không đạt được yêu cầu đó thì chúng ta sẽ không tiếp thu được những tinh hoa trí tuệ nhân dân đã đóng góp mà còn bỏ lỡ cơ hội đưa công cuộc đổi mới lên một tầm cao mới, tạo động lực cho đất nước vượt qua nguy cơ tụt hậu, tiếp kịp các nước trong khu vực và trên thế giới. Tôi nhận thức rằng sửa đổi Hiến pháp là việc trọng đại mà tác động của nó có thể thúc đẩy hoặc cản trở bước tiến của lịch sử. Hậu thế sẽ đánh giá Quốc hội khóa XIII sẽ làm gì để thúc đẩy chứ không cản trở sự phát triển của dân tộc”¹. Thật ra, Hiến pháp năm 1992 sửa đổi này sẽ có hiệu lực thi hành từ năm 2014 và vai trò của nó với sự phát triển của dân tộc sẽ được đánh giá ngay với thể hệ này chứ không phải chờ tới các thế hệ sau.

2. Kinh tế có dấu hiệu phục hồi, đạt tốc độ tăng trưởng cao hơn so với năm 2012 nhưng vẫn thấp hơn so với kế hoạch

Năm 2013, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 01/NQ-CP về những giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội và dự toán Ngân sách nhà nước năm 2013, và Nghị quyết số 02/NQ-CP về một số giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất- kinh doanh, hỗ trợ thị trường, giải quyết nợ xấu. Trong năm này, kinh tế và thương

Hình 1: Tăng trưởng GDP các quý năm 2010 – 2013 (%)



Nguồn: Tổng cục Thống kê; Số liệu Quý IV, số liệu năm 2013 là dự báo

mại thế giới cũng có một số chuyển biến tích cực. Với sự chỉ đạo quyết liệt của cơ quan quản lý nhà nước các cấp và sự nỗ lực của cộng đồng doanh nghiệp, kinh tế trong nước đã có dấu hiệu phục hồi với tốc độ tăng trưởng Tổng sản phẩm trong nước (GDP) hàng quý và cả năm đều cao hơn so với năm 2012.

Sản xuất công nghiệp tuy chưa hết khó khăn, nhưng đang từng bước phục hồi, chỉ số tồn kho của công nghiệp chế biến – chế tạo có xu hướng giảm dần so với năm 2012. Dự báo Chỉ số phát triển công nghiệp cả năm sẽ tăng 5,6% so với năm 2012. Sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp tiếp tục hứng chịu những khó khăn do thiên tai bão lũ, giá bán nhiều loại sản phẩm ở mức thấp, trong khi giá nguyên liệu đầu vào vẫn ở mức cao, nhưng sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp vẫn duy trì được sự tăng trưởng ổn định. Dự báo Giá trị sản xuất toàn ngành cả năm sẽ tăng 2,81% so với năm 2012; sản lượng hầu hết các loại sản phẩm của ngành đều tăng, trong đó sản lượng lúa đạt 43,9 triệu tấn, tăng 0,2 triệu tấn so với năm 2012. Khu vực dịch vụ có mức tăng trưởng cao nhất so với các khu vực công nghiệp và nông nghiệp, và đóng góp lớn nhất vào tăng trưởng GDP của cả nền kinh tế. Dự báo tốc độ tăng trưởng khu vực dịch vụ cả năm sẽ đạt 6,5%, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 12,5%.

Tuy tốc độ tăng trưởng GDP đạt thấp hơn so với kế hoạch (5,5%), nhưng nhiều đánh giá của các cơ quan quản lý nhà nước cho rằng đó là “mức tăng trưởng hợp lý”. Trong thực tế, vẫn đang tồn tại những ý kiến khác nhau về đánh giá này do chuẩn mực đánh giá tính “hợp lý” còn chưa được xác định rõ ràng và thống nhất.

Tính bình quân 3 năm 2011 – 2013, tốc độ tăng trưởng GDP chỉ đạt khoảng 5,6%/năm. Tốc độ tăng trưởng này tuy cao hơn so với mức bình quân của khu vực ASEAN², nhưng thấp hơn so với kế hoạch và chắc chắn sẽ ảnh hưởng đến khả năng thực hiện chỉ tiêu tăng trưởng của Kế hoạch 5 năm 2011–2015 và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011–2020. Trong khi đó, việc duy trì tốc độ tăng trưởng cao hơn trong trung hạn đang gặp nhiều thách thức: hiệu quả tăng trưởng thấp, mô hình tăng trưởng chưa được chuyển đổi kịp thời; nội lực kinh tế còn thấp kém, các yếu tố bên ngoài ảnh hưởng đến tăng trưởng (xuất khẩu, đầu tư trực tiếp nước ngoài) biến đổi khó lường; động lực cho tăng trưởng trong ngắn hạn là nguồn vốn đầu tư phát triển từ ngân sách bị

hạn chế bởi cân đối ngân sách khó khăn, nợ công tăng cao và cầu nội địa chậm hồi phục. Trong khi phần lớn các nước trong khu vực đã lấy lại đà tăng trưởng sau khủng hoảng, quá trình phục hồi kinh tế của Việt Nam vẫn diễn ra chậm chạp. Với tình trạng này, sự tụt hậu xa hơn của Việt Nam so với các nước trong khu vực sẽ là một thực tế chứ không chỉ còn là nguy cơ nữa.

3. Những mảng màu sáng, tối trong xuất khẩu và nhập khẩu

Mặc dù kết quả xuất, nhập khẩu năm 2012 được coi là một trong những mảng màu sáng trong bức tranh kinh tế, nhưng với dự báo những khó khăn của thị trường thế giới năm 2013, các chỉ tiêu kế hoạch xuất, nhập khẩu đặt ra cho năm 2013 đều ở mức thấp hơn năm 2012: kim ngạch xuất khẩu tăng khoảng 10%, tỷ lệ nhập siêu/tổng kim ngạch xuất khẩu khoảng 8%.

Trong năm 2013, theo tinh thần Nghị quyết số 01/NQ-CP, Chính phủ đã chỉ đạo chủ động giải quyết các rào cản thương mại, duy trì và phát triển thị trường truyền thống, mở rộng thị trường tiềm năng, các chính sách tín dụng hỗ trợ xuất khẩu nên kim ngạch xuất khẩu tiếp tục tăng với tốc độ cao. Tổng kim ngạch xuất khẩu trong 10 tháng của năm 2013 đạt 108 tỷ USD, tăng 15,2% so với cùng kỳ năm 2012, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 35,9 tỷ USD, tăng 3%, khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 72,1 tỷ USD, tăng 22,3%. Theo đó, cũng như tình hình của năm 2012, khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đóng góp chủ yếu vào tăng trưởng xuất khẩu của Việt Nam với các mặt hàng chủ yếu là điện tử, máy tính và linh kiện, điện thoại và linh kiện, hàng dệt may. Trong các mặt hàng này, điện thoại và linh kiện đạt 17,7 tỷ USD, tăng 76,1%; hàng dệt may đạt 14,8 tỷ USD, tăng 18,7%; điện tử, máy tính và linh kiện đạt 8,7 tỷ USD, tăng 41,5%...

Cùng với việc thúc đẩy xuất khẩu, nhiều biện pháp kiểm soát nhập khẩu đã được thực hiện. Tính đến hết tháng 10/2013, tổng kim ngạch hàng hóa nhập khẩu đạt 108,2 tỷ USD, tăng 15,2% so với cùng kỳ năm 2012, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 46,2 tỷ USD, tăng 3,5%, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 62 tỷ USD, tăng 25,7%. Các mặt hàng nhập khẩu có kim ngạch lớn chủ yếu là nguyên phụ liệu phục vụ gia công xuất khẩu. Đó là: điện tử máy tính và linh kiện đạt 15 tỷ USD, tăng 40,2%; vải đạt 6,8 tỷ USD, tăng 18,2%; nguyên phụ

liệu dệt may, giày, dép đạt 3,1 tỷ USD, tăng 17,7%...

Tính chung trong 10 tháng của năm 2013, nhập siêu hàng hóa ở mức 187 triệu USD, bằng khoảng 0,2% tổng kim ngạch xuất khẩu. Trong khi khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 10,3 tỷ USD, thì khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài lại xuất siêu tới 10,1 tỷ USD. Nguyên nhân của tình trạng này chủ yếu là ở chỗ: nhập khẩu của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chủ yếu để gia công phục vụ xuất khẩu; sự phục hồi của các doanh nghiệp trong nước diễn ra chậm chạp. Trong 9 tháng đầu năm 2013, trong khi Việt Nam xuất siêu sang Mỹ với mức 13,2 tỷ USD và sang EU với mức 10,8 tỷ USD, thì nhập siêu lại diễn ra chủ yếu với các nước châu Á, trong đó riêng nhập siêu từ Trung Quốc chiếm tỷ trọng tới 27,5% với mức 17,245 tỷ USD.

Dự báo tổng kim ngạch xuất khẩu cả năm 2013 đạt trên 132 tỷ USD, tăng 15,3% so với năm 2012; tổng kim ngạch nhập khẩu đạt khoảng 132,5 tỷ USD, tăng 16,5%; nhập siêu dự kiến ở mức xấp xỉ 500 triệu USD, bằng khoảng 0,38% tổng kim ngạch xuất khẩu. Với dự báo này, xuất khẩu và nhập siêu đã được thực hiện vượt mức kế hoạch đặt ra.

Trong bối cảnh các nền kinh tế lớn trên thế giới còn gặp nhiều khó khăn và sản xuất trong nước phục hồi chậm, kim ngạch xuất khẩu đạt tốc độ tăng trưởng cao và nhập siêu thấp là mảng sáng nổi bật trong bức tranh kinh tế Việt Nam năm 2013. Tuy

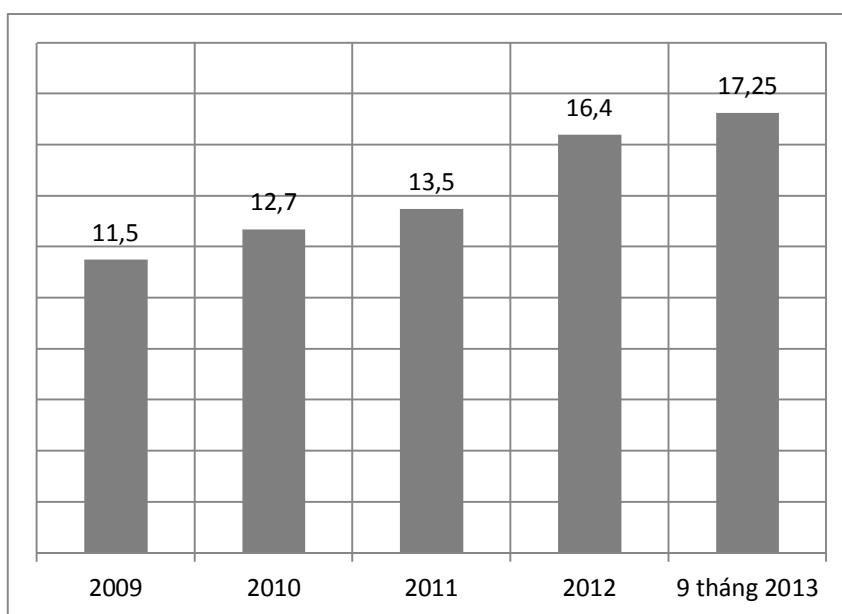
nhien, bên cạnh mảng sáng ấy vẫn tồn tại mảng tối đáng quan tâm trong cả ngắn hạn và dài hạn. Đó là: tăng trưởng xuất khẩu chủ yếu đạt được ở khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; hiệu quả xuất khẩu thấp, chủ yếu dựa trên cơ sở khai thác lợi thế về lao động và nguồn lợi tự nhiên; nhập siêu thấp do sự đình trệ của một số khu vực sản xuất trong nước; cán cân thương mại với Trung Quốc không những chưa được cải thiện, mà lại có xu hướng ngày càng gia tăng.

4. Lạm phát được kiềm chế với mức thấp nhưng đời sống người lao động vẫn còn nhiều khó khăn

Năm 2013, kiềm chế lạm phát vẫn được coi là một trong các nhiệm vụ ưu tiên trong điều hành kinh tế vĩ mô với mục tiêu “tốc độ tăng giá tiêu dùng khoảng 8%”.

Trong 10 tháng đầu năm 2013, Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tăng 5,92% so với cùng kỳ năm 2012 và tăng 5,14% so với tháng 12/2012. Trong những tháng cuối năm, CPI thường phải chịu nhiều áp lực mang tính truyền thống với chu kỳ tăng giá cuối năm do đẩy mạnh các hoạt động kinh tế để hoàn tất hợp đồng và các dịp lễ, tết và tổng kết của các đơn vị, tổ chức và xã hội. Trong năm 2013, áp lực này có xu hướng tăng mạnh do bão lũ với cường độ mạnh xảy ra liên tiếp trong các tháng 10 và 11/2013 gây ra những tổn thất lớn với các hoạt động kinh tế

Hình 2: Nhập siêu từ thị trường Trung Quốc (tỷ USD)



Nguồn: Nhập siêu từ Trung Quốc tăng mạnh, 2013

và đời sống dân cư. Việc điều chỉnh tăng một số giá hàng hóa, dịch vụ thiết yếu (điện, than, dịch vụ khám chữa bệnh, dịch vụ giáo dục...) cũng có ảnh hưởng đến CPI trong những tháng cuối năm 2013. Ngoài ra, CPI trong nước cũng chịu áp lực lạm phát ngoại nhập, do lạm phát khu vực và thế giới³. Tuy nhiên, những áp lực này sẽ không gây nên những đột biến trong tăng giá cả hàng hóa, dịch vụ.

Dự báo tốc độ tăng giá tiêu dùng cả năm 2013 được kiểm chế ở mức 7%, thấp hơn so với kế hoạch. Mức CPI thấp này chứa đựng cả những yếu tố tích cực từ kết quả thực hiện các biện pháp kiểm chế lạm phát trong điều hành kinh tế vĩ mô và những yếu tố tiêu cực từ tổng cầu của nền kinh tế vẫn còn yếu, sản xuất phục hồi chậm chạp.

Như vậy, trong hai năm liên tiếp, Việt Nam đã đạt được mục tiêu kiểm chế lạm phát ở mức thấp và thoát khỏi ám ảnh “chu kỳ 2 năm cao, một năm thấp”.

Tuy CPI ở mức thấp, nhưng đời sống người lao động không phải đã bớt khó khăn. Từ 1/7/2013, chỉ những người lao động làm việc trong khu vực nhà nước được tăng lương cơ bản thêm 100.000 đồng/tháng, còn lại hầu hết người lao động tại các doanh nghiệp, khu vực tư nhân đang bị giảm lương, nợ lương, mất việc làm. Trong khi đó, giá những mặt hàng và dịch vụ thiết yếu với cuộc sống của mỗi người dân, thường chiếm tỷ trọng cao trong chi tiêu hàng tháng như điện, xăng, nước, gas, dịch vụ y tế

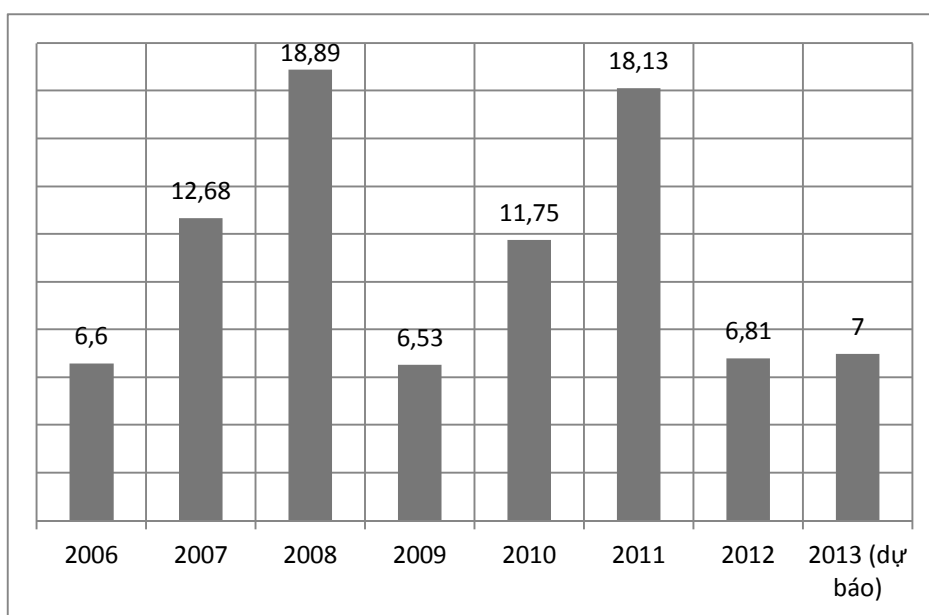
và dịch vụ giáo dục... lại luôn có xu hướng tăng lên.

Trong việc thực thi chính sách điều tiết, kiểm soát giá của Nhà nước với một số hàng hóa quan trọng và thiết yếu, như giá điện, xăng dầu, thuốc chữa bệnh,... nhằm bình ổn giá và kiểm soát lạm phát, có một vấn đề mà xã hội quan tâm là yêu cầu thực hiện công khai và minh bạch về chi phí tính giá vẫn chưa được đáp ứng. Đơn cử việc điều chỉnh tăng giá điện— loại hàng hóa thiết yếu có vai trò đặc biệt quan trọng với sản xuất và đời sống: năm 2009, tăng 8,92%; năm 2010, tăng 6,8%; năm 2011, tháng 3 tăng 15,3%, tháng 12 tăng 5%; năm 2012, tháng 7 tăng 5%, tháng 12 tăng 5%; năm 2013, tháng 8 tăng 5%; dự báo đến 2015 giá điện có thể tăng thêm đến 22%. Trong khi nhất trí với chủ trương điều chỉnh giá điện phù hợp với cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, xã hội lại hết sức băn khoăn khi kết luận của Thanh tra Chính phủ tháng 10/2013 cho thấy Tập đoàn Điện lực Việt Nam làm ăn đã thua lỗ, lại mắc không ít sai phạm trong hạch toán chi phí cả các hoạt động ngoài ngành bị thua lỗ, thậm chí cả chi phí xây dựng nhà ở cán bộ nhân viên, bể bơi, sân tennis, biệt thự,... để tính giá thành điện. Theo đó, giá thành cao và tăng giá điện là điều không thể cưỡng nổi!

5. Nói trần bại chi ngân sách nhà nước, gánh nặng nợ công tiếp tục gia tăng

Theo dự toán được Quốc hội khóa XIII thông qua tại kỳ họp thứ tư vào cuối năm 2012, tổng thu cân

Hình 3: Chỉ số giá tiêu dùng 2006 - 2013



Nguồn: Tổng cục Thống kê và Báo cáo của Chính phủ tại kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa XIII

đổi ngân sách nhà nước năm 2013 là 816.000 tỷ đồng, tổng chi cân đối ngân sách nhà nước là 978.000 tỷ đồng, bội chi cân đối ngân sách là 162.000 tỷ đồng, bằng 4,8% GDP. Trong năm 2013, mức dự toán thu, chi và bội chi ngân sách đều không thực hiện được như dự toán. Theo báo cáo của Chính phủ, tổng thu cân đối ngân sách cả năm ước đạt 790.704 tỷ đồng, bằng 96,9% mức dự toán, tổng chi cân đối ngân sách nhà nước ước đạt 985.824 tỷ đồng, bằng 100,8% mức dự toán; bội chi cân đối ngân sách ước đạt 195.120 tỷ đồng, bằng 5,3% GDP⁴.

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng trên.

Những nguyên nhân chủ yếu dẫn đến tình trạng *hụt thu* so với dự toán cân đối ngân sách là: Tăng trưởng kinh tế không đạt kế hoạch, hoạt động sản xuất, kinh doanh của các tổ chức, cá nhân nộp thuế gặp nhiều khó khăn, dẫn đến số thuế phát sinh phải nộp thấp làm cho số thu nội địa giảm mạnh⁵; Dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2013 được Quốc hội quyết định với mức phân đầu khá cao; Thực hiện chính sách miễn, giảm, giãn một số khoản thu theo Nghị quyết của Quốc hội, của Chính phủ và theo một số luật thuế; Còn tồn tại khá phổ biến tình trạng kê khai sai, gian lận, trốn thuế, chuyển giá, trong khi đó công tác đôn đốc thu hồi nợ đọng thuế, thanh tra, kiểm tra thuế chưa được thường xuyên và quyết liệt. Điều này cho thấy vẫn còn dư địa tăng thu từ việc tăng cường đôn đốc thu hồi nợ thuế, tăng cường thanh tra, kiểm tra chống thất thu...

Những nguyên nhân chủ yếu dẫn đến tình trạng *vượt chi* so với dự toán cân đối ngân sách là: Bộ máy của hệ thống chính trị, từ các cơ quan Đảng, Nhà nước đến các tổ chức chính trị - xã hội, công kèn và hoạt động kém hiệu quả làm tăng khoản chi quản lý hành chính⁶; Không chấp hành nghiêm kỷ cương, kỷ luật ngân sách, tình trạng lãng phí, lạm dụng ngân sách qua xây dựng trụ sở cơ quan, mua sắm xe cộ và trang thiết bị nội thất văn phòng, “đàn ra – đàn vào”,... diễn ra khá phổ biến và chậm được khắc phục; Vẫn tồn tại dưới những hình thức

khác nhau “cơ chế xin – cho” trong phân bổ ngân sách; Tồn tại tình trạng dàn trải, lãng phí và thất thoát cả trong chi thường xuyên và chi đầu tư. Từ một số năm gần đây, khoản chi trả nợ cũng chiếm từ 10 – 12% tổng chi cân đối ngân sách hàng năm.

Bội chi và thâm hụt ngân sách đã tồn tại từ nhiều năm nay, nhưng tới năm 2013 tình trạng này đã trở nên gay gắt hơn và là vấn đề nóng trong ổn định kinh tế vĩ mô. Trong ngắn hạn, nếu không có đột phá về chính sách, sự sụt giảm nguồn thu và lãng phí trong sử dụng các khoản chi sẽ gây khó khăn trực tiếp cho cân đối ngân sách của năm 2014 và 2015. Trong trung hạn, chính sách tài khóa phải gánh chịu nhiều áp lực: yêu cầu giảm dần tỷ lệ động viên vào ngân sách nhà nước so với GDP nhưng lại phải đáp ứng yêu cầu tăng chi cho phát triển kinh tế, an sinh xã hội, bảo đảm an ninh – quốc phòng, thực hiện 3 khâu đột phá chiến lược gắn với tái cơ cấu nền kinh tế và chuyển đổi mô hình tăng trưởng.

Từ thực tế cân đối ngân sách nhà nước, Quốc hội đã chuẩn y đề nghị của Chính phủ nới trần bội chi ngân sách nhà nước năm 2013 từ 4,8% GDP lên 5,3% GDP (tương đương 195.000 tỷ đồng). Đây cũng là tỷ lệ được xác định trong dự toán ngân sách nhà nước năm 2014 được thông qua tại kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa XIII.

Trong bối cảnh hiện tại, nới trần bội chi ngân sách nhà nước là việc bất khả kháng. Nhưng từ việc nới trần này lại liên quan đến vấn đề gia tăng nợ công. Dù quy mô nợ công, nợ Chính phủ và nợ nước ngoài vẫn được Chính phủ khẳng định nằm trong giới hạn cho phép, nhưng sự gia tăng các khoản nợ này cũng là một trong những yếu tố đe dọa sự ổn định kinh tế vĩ mô⁷.

6. Việc cải thiện môi trường kinh doanh chưa mang lại hiệu quả thiết thực, các doanh nghiệp chưa thoát khỏi những khó khăn cũ

Tiếp nối các việc thực thi những chính sách đã ban hành trong các năm trước, Nghị quyết số 01/NQ-CP và Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 7/1/2013 đã đề ra hàng loạt các biện pháp về giải

Bảng 1: Bội chi ngân sách 2011 - 2014

	2011	2012	2013	2014
Mức bội chi cân đối ngân sách (tỷ đồng)	120.000	140.200	195.000	224.000
Bội chi ngân sách so với GDP (%)	4,9	4,8	5,3	5,3

Nguồn: Bộ Tài chính và Báo cáo của Chính phủ tại kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa XII

quyết hàng tồn kho, hỗ trợ thị trường và đầu tư, giúp các doanh nghiệp giảm chi phí sản xuất - kinh doanh, tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn tín dụng... Các biện pháp này đều hướng tới cải thiện môi trường kinh doanh, góp phần phục hồi tăng trưởng, nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp và của nền kinh tế. Mặc dù có nhiều nỗ lực cải thiện môi trường kinh doanh, nhưng sự cải thiện được đánh giá chưa tương xứng với yêu cầu và mức độ cải thiện còn thấp hơn so với các nước trong khu vực.

Theo Báo cáo đánh giá về môi trường kinh doanh năm 2013 do Ngân hàng Thế giới (WB) và Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC) công bố ngày 29/10/2013, mười nền kinh tế có thứ hạng cao nhất về “Mức độ thuận lợi kinh doanh” lần lượt là Singapore, Hồng Kông (Trung Quốc), New Zealand, Hoa Kỳ, Đan Mạch, Malaysia, Hàn Quốc, Georgia, Na Uy và Vương quốc Anh. Trung Quốc là nước có nhiều tiến bộ nhất về cải cách các quy định kinh doanh. Philippines là một trong 10 nền kinh tế đạt được nhiều tiến bộ nhất trong việc tạo môi trường kinh doanh thuận lợi hơn cho doanh nghiệp trong năm qua.

Thứ hạng môi trường kinh doanh của Việt Nam năm 2013 có sự cải thiện nhất định: năm 2012 xếp thứ 99/183 nền kinh tế; năm 2013 xếp thứ 99/189. Nhưng mức độ cải thiện chậm chạp, kém hiệu quả và còn tồn tại độ chênh lệch lớn trong thứ hạng giữa các tiêu chí

Trong năm 2013, với việc thực hiện các biện pháp cải thiện môi trường kinh doanh và sự nỗ lực

của cộng đồng doanh nghiệp, trong 9 tháng đầu năm 2013 đã có 58.231 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới, tăng 11% so với cùng kỳ năm trước, nhưng vốn đăng ký chỉ đạt 281.359 tỷ đồng, giảm 22% so với cùng kỳ. Trong khi đó, số lượng các doanh nghiệp giải thể, tạm ngừng hoạt động và phá sản lại tiếp tục gia tăng. Theo báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, trong thời gian này đã có 42.459 doanh nghiệp ngừng sản xuất, giải thể và phá sản, tăng 12,8% so với cùng kỳ năm 2012.

Trong năm 2013, các doanh nghiệp vẫn tiếp tục phải đối mặt với những khó khăn của năm 2012: tiêu thụ sản phẩm và tiếp cận nguồn vốn tín dụng từ các ngân hàng thương mại. Chỉ số hàng tồn kho của các doanh nghiệp tuy giảm thấp hơn so với năm 2012, nhưng ngoài sự nỗ lực tìm mọi cách để thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm, còn có nguyên nhân từ việc thu hẹp quy mô sản xuất của các doanh nghiệp. Trong tiếp cận nguồn vốn tín dụng, mặc dù lãi suất tín dụng của các ngân hàng thương mại đã được giảm thấp, nhưng các doanh nghiệp gặp khó khăn do khả năng bảo đảm hiệu quả đầu tư và bảo đảm các điều kiện vay (tài sản bảo đảm, chứng minh năng lực tài chính và tồn đọng nợ xấu). Bởi vậy, dù nguồn vốn vay của các ngân hàng thương mại dồi dào, nhưng tốc độ tăng trưởng tín dụng đạt mức thấp: đến 31/10/2013 chỉ đạt 7,18%, thấp xa so với mục tiêu 12% của cả năm 2013.

Sức khỏe của các doanh nghiệp phản ánh sức khỏe của nền kinh tế. Khi sản xuất - kinh doanh của các doanh nghiệp gặp khó khăn, kinh tế - xã hội của đất nước không thể phát triển được. Để thúc đẩy

Bảng 2: Xếp hạng môi trường kinh doanh 2012 và 2013 của Việt Nam

Các tiêu chí đánh giá	Xếp hạng	
	2013 (189 nền kinh tế)	2012 (183 nền kinh tế)
<i>Mức độ thuận lợi kinh doanh</i>	99	99
1. Thành lập doanh nghiệp	109	108
2. Cấp phép xây dựng	29	28
3. Tiếp cận điện năng	156	155
4. Đăng ký tài sản	51	48
5. Vay vốn tín dụng	42	40
6. Bảo vệ nhà đầu tư	157	169
7. Nộp thuế	149	138
8. Thương mại quốc tế	65	74
9. Thực thi hợp đồng	46	44
10. Xử lý doanh nghiệp mất khả năng thanh toán	149	149

Nguồn: Báo cáo xếp hạng môi trường kinh doanh của WB và IFC

phát triển các doanh nghiệp, đòi hỏi sự nỗ lực đồng bộ từ cả hai phía: các doanh nghiệp nỗ lực nâng cao năng lực kinh doanh; Nhà nước nỗ lực cải thiện môi trường kinh doanh.

7. Những kết quả bước đầu và những khó khăn cản trở quá trình cơ cấu lại hệ thống ngân hàng thương mại

Trong năm 2013, đã triển khai thực hiện các giải pháp được xác định trong Đề án “Cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng giai đoạn 2011 – 2015” ban hành theo Quyết định số 254/QĐ-TTg ngày 1/3/2012 của Thủ tướng Chính phủ. Hoạt động của các ngân hàng thương mại được tăng cường kiểm soát và bảo đảm được sự an toàn. Các ngân hàng thương mại hoạt động yếu kém được cơ cấu lại: giảm 5 tổ chức tín dụng thông qua sáp nhập, hợp nhất, giải thể; rút giấy phép 3 chi nhánh ngân hàng nước ngoài; cổ phần hóa 4 ngân hàng thương mại nhà nước; chuyển Quỹ Tín dụng Nhân dân thành Ngân hàng Hợp tác xã...

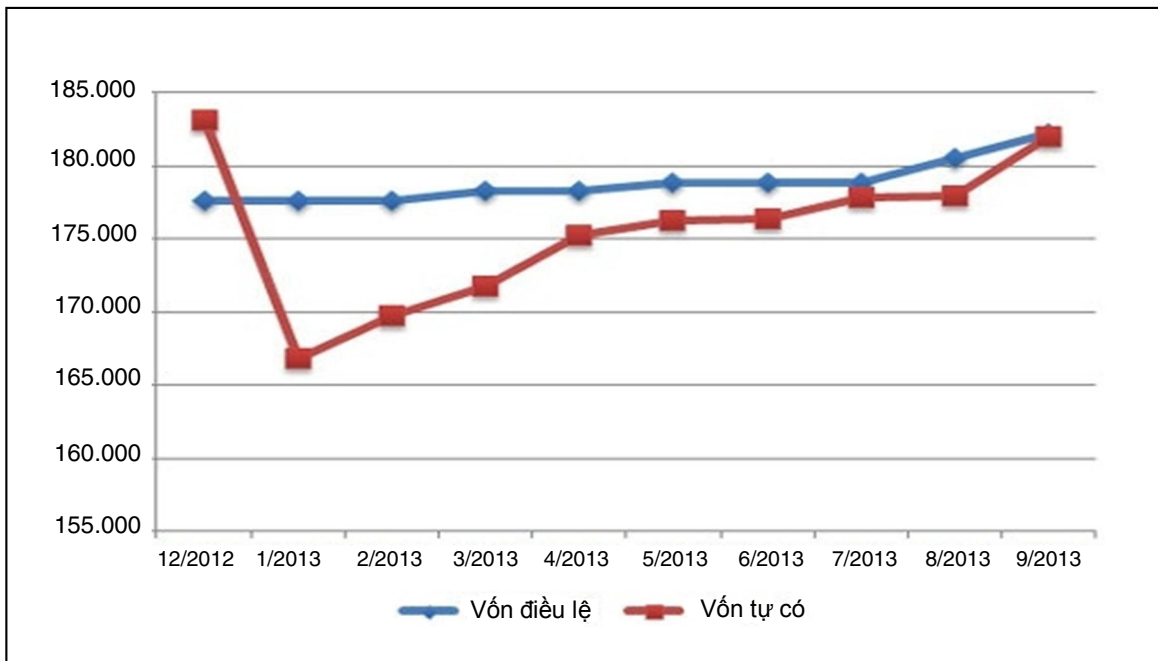
Quy mô tổng tài sản của các Ngân hàng thương mại có sự gia tăng đáng kể. tính đến 30/9/2013, tổng tài sản của khối ngân hàng quốc doanh đạt 2.350 ngàn tỷ đồng, tăng 7,04% so với cuối năm 2012, vốn tự có tăng 18,44%, vốn điều lệ tăng 10,66%. Quy mô tổng tài sản của khối ngân hàng thương mại cổ phần đạt 2.220 ngàn tỷ đồng, tăng 2,88%. Trong

năm 2013 cũng chứng kiến những chuyển biến tích cực về năng lực tài chính của khối ngân hàng này. Tháng 1/2013, tổng quy mô vốn tự có của khối ngân hàng thương mại cổ phần sụt giảm tới 8,93% so với cuối năm 2012. Nhưng đến tháng 9/2013, tổng vốn tự có của các ngân hàng này đã tăng lên tới 181.979 tỷ đồng, gần bằng tổng vốn điều lệ (182.244 tỷ đồng)⁸.

Tình hình thanh khoản của các ngân hàng thương mại cũng có sự cải thiện. Tỷ lệ cho vay so với huy động (LDR) của toàn hệ thống ở mức 86,19%, trong khi từ năm 2011 trở về trước, tỷ lệ này từng lên tới trên 100%. Ngoài sự gia tăng năng lực tài chính của các ngân hàng thương mại, tình hình trên còn có nguyên nhân từ sự phục hồi chậm chạp của nền kinh tế, nhiều doanh nghiệp vẫn chưa thoát khỏi tình trạng đình trệ sản xuất, và sự gia tăng của các doanh nghiệp ngừng sản xuất hoặc phá sản. Đó cũng là nguyên nhân làm cho tốc độ tăng trưởng tín dụng đạt mức không cao. Tính đến 31/10/2013, dư nợ tín dụng tăng 7,18% so với cuối năm 2012. Tuy còn cách khá xa mục tiêu tăng trưởng 12% trong năm 2013, nhưng đây là mức tăng trưởng cao hơn nhiều so với cùng kỳ năm 2012 (3,54%).

Năm 2012, nợ xấu được coi là “cục máu đông” cản trở lưu thông mạch máu kinh tế. Xử lý nợ xấu là một trong những mục tiêu ưu tiên của cơ cấu lại

Hình 4: Biến động vốn điều lệ và vốn tự có của các ngân hàng thương mại cổ phần đến tháng 9/2013



Nguồn: Ngân hàng nhà nước Việt Nam

hệ thống ngân hàng thương mại. Trong năm 2013, hàng loạt giải pháp xử lý nợ xấu đã được triển khai, từ cơ cấu lại nợ, giãn nợ, tăng trích lập quỹ dự phòng, bán nợ cho Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tài chính tín dụng (VAMC)⁹. Theo báo cáo Ngân hàng nhà nước, tính đến cuối tháng 9/2013, tỷ lệ nợ xấu của toàn hệ thống chiếm 4,62% tổng dư nợ, tổng số dư nợ xấu toàn hệ thống là 142,33 nghìn tỷ đồng, tăng 23,9 nghìn tỷ đồng (tăng 20,2%) so với cuối năm 2012. Nguyên nhân là do việc xử lý nợ xấu còn phụ thuộc nhiều vào các điều kiện kinh tế vĩ mô và thị trường, trong khi tiêu thụ hàng hoá còn chậm, năng lực tài chính và khả năng trả nợ của doanh nghiệp còn thấp. Hơn nữa, các giải pháp điều hành kinh tế vĩ mô, tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, hỗ trợ thị trường bất động sản chưa thể phát huy tác dụng tức thời.

Mặc dù có nhiều nỗ lực, nhưng việc cơ cấu lại hệ thống ngân hàng thương mại vẫn được đánh giá chưa đạt yêu cầu đề ra. Một trong những cản trở lớn nhất của quá trình này là sự phức tạp của tình trạng sở hữu chéo, đầu tư chéo trong hệ thống ngân hàng thương mại. Với tình trạng này, nguồn vốn của từng ngân hàng tăng nhưng tổng thể nguồn vốn toàn hệ thống lại không thay đổi do số tiền chỉ chảy qua, chảy lại giữa ngân hàng này sang ngân hàng khác. Một khi vốn tự có và vốn điều lệ của mỗi ngân hàng thương mại và toàn hệ thống ngân hàng thương mại bị sai lệch, thì việc tính toán và phân tích các chỉ tiêu đánh giá hoạt động của chúng cũng bị sai lệch. Điều này sẽ dẫn đến quá trình giám sát quản trị, đánh giá rủi ro, trích lập dự phòng... cũng không bảo đảm chính xác.

Để thúc đẩy quá trình cơ cấu lại hệ thống ngân hàng thương mại, cần phải xử lý được tình trạng sở hữu chéo, đầu tư chéo bằng các giải pháp đồng bộ, trong đó có yêu cầu về công bố thông tin của các ngân hàng, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát xác định nguồn lực tài chính của các cổ đông khi tham gia góp vốn và mua cổ phần tại ngân hàng thương mại.

8. Sự chậm trễ trong giải ngân 30.000 tỷ đồng hỗ trợ tín dụng ưu đãi hỗ trợ nhà ở

Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 7/1/2013 của Chính phủ đã xác định: Ngân hàng nhà nước phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương triển khai “Chỉ đạo các ngân hàng thương mại nhà nước dành một lượng vốn hợp lý để cho các đối tượng thu nhập thấp, cán bộ công chức, viên chức, lực lượng vũ

trang vay để thuê, mua nhà ở xã hội và thuê, mua nhà ở thương mại có diện tích nhỏ hơn 70 m², giá bán dưới 15 triệu đồng/m² với lãi suất thấp, kỳ hạn trả nợ phù hợp với khả năng của khách hàng và cho vay đối với các doanh nghiệp xây dựng nhà ở xã hội, doanh nghiệp chuyển đổi công năng của dự án đầu tư sang dự án nhà ở xã hội với lãi suất hợp lý và kỳ hạn trả nợ phù hợp với kỳ hạn của nguồn vốn và khả năng trả nợ của khách hàng”.

Theo đó, có hai nhóm đối tượng được hỗ trợ tín dụng: (i) Cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang, người thu nhập thấp ở khu vực đô thị; (ii) Doanh nghiệp xây dựng nhà ở xã hội, doanh nghiệp chuyển đổi công năng dự án nhà ở thương mại sang nhà ở xã hội. Như vậy, mục tiêu của chính sách này là sự hỗ trợ của Chính phủ với người mua nhà phân khúc xã hội và thương mại giá rẻ, chứ không đơn giản là “giải cứu thị trường bất động sản”. Tuy nhiên, sự hỗ trợ này nếu được thực hiện có hiệu quả sẽ góp phần làm “tan băng” thị trường bất động sản hiện nay.

Theo quyết định của Chính phủ về gói tín dụng hỗ trợ 30.000 tỷ đồng từ nguồn tái cấp vốn của Ngân hàng nhà nước, ngày 15/5/2013, Ngân hàng nhà nước đã ban hành Thông tư số 11/TT-NHNN quy định về cho vay hỗ trợ nhà ở và Bộ Xây dựng ban hành Thông tư số 07/TT-BXD hướng dẫn việc xác định các đối tượng được vay vốn hỗ trợ nhà ở. Các ngân hàng thương mại nhà nước và ngân hàng thương mại cổ phần do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ được giao thực hiện nhiệm vụ này là Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (AGRIBANK), Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV), Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam (VIETCOMBANK), Ngân hàng Thương mại cổ phần công thương Việt Nam (VIETTINBANK) và Ngân hàng Phát triển nhà Đồng bằng sông Cửu Long (MHB).

Sử dụng gói hỗ trợ này như thế nào để đạt được mục tiêu đề ra là điều được cả xã hội quan tâm. Đã có không ít lo ngại về tình trạng gói hỗ trợ này bị chệch hướng khỏi đối tượng hướng đích hoặc bị chi phối bởi lợi ích nhóm nếu không có sự kiểm tra, giám sát nghiêm túc và có hiệu quả.

Tính đến cuối tháng 10/2013, Ngân hàng nhà nước cho biết các ngân hàng thương mại đã chấp thuận cho 939 cá nhân vay 331,1 tỷ đồng, trong đó giải ngân cho 905 cá nhân với dư nợ 220,9 tỷ đồng, 7 doanh nghiệp được vay với số tiền cam kết là

840,4 tỷ đồng, trong đó giải ngân cho 4 doanh nghiệp với số tiền 122,6 tỷ đồng. Tổng hợp chung, số tiền giải ngân được là 343,5 tỷ đồng, chiếm 1,14% tổng số 30.000 tỷ đồng của gói hỗ trợ tín dụng.

Theo các chuyên gia, có nhiều nguyên nhân dẫn đến sự chậm trễ trong việc giải ngân gói tín dụng 30.000 tỷ đồng cho vay hỗ trợ nhà ở, nhưng tựu chung lại là 2 nguyên nhân có tính chất tổng hợp: (i) Các quy định chặt chẽ về đối tượng và điều kiện tiếp cận nguồn vốn tín dụng này; (ii) Sự hạn chế về nguồn cung nhà ở xã hội và nhà ở thương mại có diện tích, giá cả theo quy định.

Để góp phần tháo gỡ khó khăn này, ngày 7/11/2003, Bộ Xây dựng đã ban hành Thông tư số 18/2003/TT-BXD theo tinh thần nói rộng đối tượng và điều kiện cho vay. Hy vọng với sự điều chỉnh này, những người có nhu cầu thực sự về nhà ở sẽ có nhiều cơ hội hơn trong tiếp cận với sự ưu đãi mà Nhà nước giành cho họ.

9. Tình trạng tham nhũng vẫn là vấn đề nóng

Từ nhiều năm nay, tình trạng tham nhũng đã được xác định là “quốc nạn, “giặc nội xâm”, “là một trong những nguy cơ lớn đe dọa sự tồn vong của Đảng và chế độ ta” và “thách thức sự kiên nhẫn và sự chịu đựng của nhân dân”.

Trong năm 2013, nhiều biện pháp đã được đưa ra thể hiện quyết tâm lớn của Đảng và Nhà nước trong cuộc chiến với tình trạng này. Công tác phòng, chống tham nhũng được thực hiện gắn với triển khai Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành trung ương Đảng khóa XI “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay” và việc “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức của Chủ tịch Hồ Chí Minh”. Về mặt tổ chức, đã thành lập Ban Chỉ đạo trung ương về phòng, chống tham nhũng do Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng làm Trưởng ban. Công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý các vụ việc tiêu cực được đẩy mạnh...

Vấn đề mà cả xã hội mong chờ là kết quả và hiệu quả thực hiện quyết tâm phòng, chống tham nhũng. Báo cáo của Chính phủ tại kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa XIII tổng kết: “Phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đạt được một số kết quả”, nhưng “Chưa đạt yêu cầu so với mục tiêu đề ra là ngăn chặn, từng bước đẩy lùi. Tham nhũng, lãng phí vẫn còn nghiêm trọng. Công tác giám sát, thanh tra, kiểm tra hiệu quả chưa cao, ít phát hiện tham nhũng. Xử lý các vụ việc còn chậm”. Điều

đáng buồn là điệp khúc đã được lặp lại từ nhiều năm nay. Chính Báo cáo thẩm tra của Ủy ban Tư pháp của Quốc hội với Báo cáo này của Chính phủ đã phải nêu rõ: “Điều đáng lưu ý là qua nhiều năm đánh giá, kiểm điểm, Chính phủ vẫn chưa nêu được cụ thể những bộ, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức, đơn vị đã làm tốt và chưa làm tốt công tác phòng chống tham nhũng hoặc những nơi, những lĩnh vực dễ xảy ra nhiều vụ việc tham nhũng để từ đó kịp thời động viên, khen thưởng những nơi làm tốt; xác định rõ, xử lý trách nhiệm các cá nhân, cơ quan, tổ chức, đơn vị làm chưa tốt”.

Vấn đề mà xã hội quan tâm và mong muốn được giải đáp không phải chỉ là nêu rõ các địa chỉ phòng, chống tham nhũng chưa tốt, mà còn là phân tích sâu sắc các nguyên nhân đích thực của việc chưa đạt yêu cầu về ngăn chặn, từng bước đẩy lùi, về tình trạng tham nhũng vẫn còn nghiêm trọng. Theo Báo cáo của Chính phủ về công tác phòng, chống tham nhũng năm 2013, đó là tình trạng suy thoái đạo đức của một bộ phận cán bộ, đảng viên đang công tác trong các cơ quan bảo vệ pháp luật, là tình trạng né tránh trách nhiệm, bao che cho hành vi tham nhũng của cán bộ dưới quyền, một số quy định của pháp luật chưa chặt chẽ. Còn theo Báo cáo thẩm tra của Ủy ban Tư pháp, tham nhũng tiêu cực có ngay trong cơ quan tư pháp, ở Trung ương xử lý tham nhũng không nghiêm nên khó làm gương cho địa phương...

Trong bối cảnh chung của đất nước, nghi vấn “Có tham nhũng trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng không?” được đặt ra là hoàn toàn hợp lý. Bên lề Kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XIII, ông Đỗ Văn Đương, đại biểu Quốc hội Thành phố Hồ Chí Minh đã có cuộc trả lời báo chí xung quanh những vướng mắc trong công tác phòng chống tham nhũng hiện nay. Ông cho rằng “Trong cơ chế thị trường, bản thân cán bộ, nhân viên tư pháp cũng có tiêu cực, cũng dựa vào án để sống. Bây giờ đặt vấn đề là có việc “bán hình phạt” không? Có vấn đề lợi dụng quyền lực tư pháp nhà nước để tham nhũng không? Có chứ. Tôi giao anh quyền tư pháp, quyền thực thi công lý, anh lại bán công lý đi để lấy tiền thì mới thành ra thế...”¹⁰. Đây là điều hết sức nguy hiểm vì nếu tình trạng này là phổ biến, cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng sẽ không thể thành công.

10. Nhân tài hợp lực với thiên tài gây những tổn thất lớn về người và của

Những tác động của biến đổi khí hậu ngày càng

biểu hiện rõ. Thiên tai đang có xu hướng gia tăng bất thường, khó dự báo hơn và cực đoan hơn ảnh hưởng mạnh mẽ đến các hoạt động kinh tế và đời sống nhân dân, thách thức gay gắt tới yêu cầu phát triển bền vững. Trong 10 năm trở lại đây, thiên tai ở nước ta đã làm hàng ngàn người chết và mất tích, thiệt hại vật chất ước khoảng 1,5% GDP mỗi năm.

Trong năm 2013, nước ta phải gánh chịu những ảnh hưởng nặng nề của tình trạng “bão chồng bão”, “lũ chồng lũ”, “siêu bão”. Nếu trung bình các năm trước đây có 9 – 10 cơn bão trên biển Đông, trong đó có 5 – 6 cơn bão ảnh hưởng đến nước ta, thì tính đến tháng 11/2013, đã có 15 cơn bão và 4 áp thấp nhiệt đới trên biển Đông, trong đó có 12 cơn bão ảnh hưởng trực tiếp đến nước ta. Đi kèm với mưa bão là lũ lụt. Chỉ quét qua trong thời gian ngắn, nhưng bão lũ cuốn đi tất cả những gì người dân chất chiu có được sau nhiều năm. Trong năm 2013, các tỉnh miền Trung từ Thanh Hóa đến Khánh Hòa là vùng chịu ảnh hưởng nặng nề nhất của bão lũ. Do ảnh hưởng của “siêu bão” số 14 (bão Haiyan), mưa lũ gần như đã nhấn chìm miền Trung trong biển nước, nhiều vùng bị cô lập, giao thông bị chia cắt. Theo báo cáo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, thiên tai từ đầu năm đến tháng 10/2013 đã làm 210 người chết và mất tích, 780 người bị thương. Thiên tai cũng làm 11.584 nhà bị đổ, sập, trôi; 460.722 nhà bị ngập, hư hại, tốc mái; 121.205 ha diện tích lúa, mạ, 157.947 ha hoa màu bị thiệt hại, hàng chục nghìn ha cây công nghiệp, cây ăn quả bị đổ gãy; 102.205 ha thủy sản bị mất và hơn 17 triệu mét khối đất đá đường giao thông bị sạt lở. Ước tính tổng giá trị thiệt hại về vật chất do thiên tai năm 2013 khoảng 23.071 tỷ đồng. Nếu tính cả những thiệt hại do lũ lụt ở các tỉnh từ Thừa Thiên – Huế đến Phú Yên vào đầu tháng 11/2013, thiệt hại chắc chắn còn cao hơn nhiều.

Sự biến động bất thường của thời tiết, khí hậu gây ra những tổn thất về người và của là điều khó có thể tránh. Nhưng điều đáng tiếc là trong sự tàn phá của tự nhiên có sự “góp sức” của chính con người. Chính sự lạm dụng trong khai thác tài nguyên là một

trong những nguyên nhân trực tiếp gây nên biến đổi khí hậu. Ở nước ta, điều này thể hiện đặc biệt rõ ràng.

Ngoài sự phá hoại của lâm tặc, việc phát triển thủy điện tràn lan được đánh giá là một trong những nguyên nhân chủ yếu gây nên tình trạng tàn phá rừng, kể cả rừng đầu nguồn và rừng phòng hộ. Theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, từ năm 2006 đến nay, đã có hơn 50.000 ha đất rừng các loại được chuyển đổi mục đích để xây dựng thủy điện, nhưng chủ đầu tư chỉ trồng bù lại được khoảng 1.000 ha, bằng 2% diện tích rừng đã bị mất. Do sự hạn chế về tầm nhìn, do năng lực hạn chế, do buông lỏng quản lý, lãnh đạo nhiều địa phương và cũng không loại trừ do có sự chi phối bởi lợi ích nhóm, lãnh đạo một số địa phương đã phê duyệt dự án thủy điện không mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội lâu dài cho địa phương, mà trái lại đã trở thành mối hiểm họa cho đời sống nhân dân. Theo Bộ Công thương, gần 30% số đập thủy điện nhỏ chưa được đánh giá, kiểm định; khoảng 66% số đập chưa có phương án bảo vệ được phê duyệt, gần 55% số chủ sử dụng, vận hành hồ, đập chưa có phương án phòng chống lụt bão. Trong các đợt bão lũ, để bảo đảm an toàn công trình của mình, nhiều công trình không tuân thủ quy trình mà thực hiện việc xả lũ ồ ạt, thậm chí có nơi còn không báo cho nhân dân biết trước với thời gian phù hợp. Lợi ích của chủ đầu tư được bảo toàn, tổn thất thuộc về người dân, trong đó không ít người dân nghèo.

Trước tình hình này, Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Công thương rà soát lại quy hoạch thủy điện để có phương án điều chỉnh. Kết quả là đã loại khỏi quy hoạch 6 dự án thủy điện bậc thang và 418 dự án thủy điện nhỏ do tác động tiêu cực lớn đối với môi trường xã hội. Quyết định này được xã hội hoan nghênh. Tuy nhiên, trong điều kiện khí hậu biến đổi ngày càng phức tạp, để ngăn chặn sự “tiếp tay” của nhân tài với thiên tai phá hại kinh tế và đời sống, cần có những giải pháp căn cơ, toàn diện và nghiêm khắc hơn trên cơ sở coi lợi ích của cộng đồng xã hội là tối thượng. □

Ghi chú:

1. Theo Báo Tuổi trẻ online, ngày 5/11/2013.
2. Theo IMF, kinh tế thế giới tăng 3,9% năm 2011, 3,2% năm 2012 và ước tăng 2,9% năm 2013; các nước mới nổi và đang phát triển tăng 6,2% năm 2011, 4,9% năm 2012 và ước tăng 4,5% năm 2013. Theo Ban Thư ký ASEAN, khu vực ASEAN tăng 4,8% năm 2011 và 5,7% năm 2012. Theo IMF, kinh tế ASEAN bình quân 3 năm 2011 - 2013 ước tăng 5,1%.

3. Theo dự báo của Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) tháng 7-2013, lạm phát tại các nước mới nổi và đang phát triển sẽ là 6,0% trong năm 2013 (tăng 0,1% so với dự báo tháng 4) và đạt 5,5% trong năm 2014 (giảm 0,1% so với dự báo tháng 4).
4. Báo cáo của Chính phủ về tình hình kinh tế - xã hội năm 2013 tại kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa XIII.
5. Theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, trong 10 tháng đầu năm 2013 đã có khoảng 42.000 doanh nghiệp ngừng hoạt động, tăng gần 13% so với cùng kỳ năm 2012.
6. Nếu năm 2005, chi quản lý hành chính cho các cơ quan trung ương là 3.000 tỷ đồng, thì dự toán khoản chi này năm 2013 lên tới 34.000 tỷ, tăng gấp hơn 11 lần.
Theo Nghị định số 36/NĐ-CP ngày 18/4/2012, trừ bộ quản lý nhiều ngành, lĩnh vực lớn, quan trọng, phức tạp, số lượng Thứ trưởng của mỗi bộ, cơ quan ngang bộ không được quá 4 người. Trên thực tế, chỉ Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện đúng quy định này, còn lại có 1 Bộ có 9 Thứ trưởng, 4 Bộ có 7 Thứ trưởng, 9 Bộ có 6 Thứ trưởng, 8 bộ có 5 Thứ trưởng!
7. Theo The Economist, nợ công bình quân đầu người (theo cách tính của Việt Nam) năm 2011 là 687,07 USD, năm 2012 là 756,92 USD, dự báo đến cuối năm 2013 sẽ lên tới 883,8USD (Nợ công Việt Nam tiếp tục gia tăng, Songmoi.vn ngày 12/3/2013).
8. Thật ra, trong kết quả này còn chứa đựng những yếu tố phức tạp của tình trạng sở hữu chéo, đầu tư chéo trong hệ thống ngân hàng thương mại.
9. Mới chính thức đi vào hoạt động từ ngày 26/7/2013, nhưng đến ngày 31/10, VAMC đã mua được tổng số nợ xấu của 14 ngân hàng với số dư nợ gốc 14.019 tỷ đồng và giá mua là 11.119 tỷ đồng. Dự kiến đến cuối năm 2013, VAMC sẽ mua được khoảng 30.000 – 35.000 tỷ đồng nợ xấu.
10. “Về mười đại án tham nhũng, Đại biểu Quốc hội Đỗ Văn Đương: Phải tay tôi, 3 tháng là xử xong”. Laodong.com.vn, ngày 28/10/2013.

Tài liệu tham khảo:

Kim Thanh (2013), *Quốc hội thảo luận về Dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992*, từ < http://dangcongsan.vn/cpv/Modules/Preview/PrintPreview.aspx?co_id=30106&cn_id=616183#>.

Nhập siêu từ Trung Quốc tăng mạnh (2013), từ < <http://vneconomy.vn/20131028114430890P0C19/nhap-sieu-tu-trung-quoc-tang-manh.htm>>.

10 outstanding economic events of Vietnam in the year 2013

Abstract:

Vietnam economy 2013 has undergone a difficult phase marked by both achievements and uncertainties. From macroeconomic developments and economic indicators, this paper presents 10 outstanding economic events of Vietnam in the year.

Thông tin tác giả:

***Nguyễn Kế Tuấn**, Giáo sư, Tiến sĩ, chuyên ngành Kinh tế công nghiệp, Giảng viên cao cấp, thành viên Hội đồng Khoa học và Đào tạo trường Đại học Kinh tế quốc dân.

- Lĩnh vực nghiên cứu chính: Kinh tế vĩ mô, Kinh tế phát triển và Quản trị kinh doanh.

- Các tạp chí đã đăng công trình nghiên cứu: Kinh tế và Phát triển; Nghiên cứu kinh tế; Cộng sản; Công nghiệp; Quản lý và Phát triển; Journal of Economics & Development; Vietnam Economic Review;...

Email: tuan_nguyenke@yahoo.com